TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **03**/2018/HNGĐ-ST Ngày10/01/2018 V/v ly hôn giữa chị S và anh G	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH BẮC KẠN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vương Hồng Giang;**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Phạm Văn Ngọ;**
2. Bà Trần Thị Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2017/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Âu Thị S**, sinh năm 1978, có mặt;

Trú tại: Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn: **Âu Đình G**, sinh năm 1974, vắng mặt;

Trú tại: Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 57, Phân trại 6, Trại giam Phú Sơn 4, Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Âu Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Âu Đình G ngày 15/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc tại thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên đến

năm 2011 anh G bắt đầu nghiện ma túy, mặc dù chị đã khuyên bảo và tạo điều kiện cho chồng đi cai nghiện cộng đồng 12 tháng, nhưng sau khi trở về địa phương, anh G tiếp tục tái nghiện và mua bán trái phép chất ma túy. Do đó mà mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, thường xuyên có xung đột, cãi vã nhau dẫn đến hôn nhân không hòa thuận, không hạnh phúc. Mâu thuẫn kéo dài liên tục đến năm 2013 thì anh G bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 08 năm tù giam về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", hiện nay anh G đang chấp hành án tại đội 57, phân trại 6, Trại giam Phú Sơn 4. Đến nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, nên chị xin ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị S xác định vợ chồng chị có một con chung tên là Âu Khánh L, sinh ngày 01/12/2011. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện nay anh G đang phải chấp hành án, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị S xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai đề ngày 13/12/2017, biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2017, bị đơn Âu Đình G trình bày:

Về hôn nhân: Quá trình hôn nhân cơ bản đúng như lời trình bày của chị Âu Thị S, tuy nhiên anh cho rằng mặc dù anh nghiện ma túy nhưng giữa vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, cuộc sống hôn nhân hòa thuận, hạnh phúc. Nay chị S xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh G xác định vợ chồng anh có một con chung, nếu chị S cương quyết xin ly hôn thì sau khi ly hôn anh nhất trí giao con chung là Âu Khánh L, sinh ngày 01/12/2011 cho chị Âu Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì anh không có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh G xác định vợ chồng anh không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Âu Đình G còn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh vì hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4 nên không tham gia phiên tòa được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX sơ thẩm căn cứ các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, xem xét quyết định chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Son.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng*: Hiện nay bị đơn là anh Âu Đình G đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh G đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Do vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ.

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

2.*Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Âu Thị S và anh Âu Đình G là hợp pháp. Quá trình xác minh, chính quyền địa phương thôn B, xã H nơi hai bên đương sự sinh sống cho biết: Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chị S chung sống hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2011 do anh G nghiện ma túy mặc dù đã được chị S khuyên bảo và tạo điều kiện cho đi cai nghiện 12 tháng, nhưng sau khi trở về địa phương anh G lại tái nghiện và có hành vi mua bán ma túy, từ đó cuộc sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn cho đến năm 2013 thì anh G phải đi chấp hành án 08 năm tù giam về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị S cương quyết xin ly hôn, khẳng định quá trình chung sống do anh G nghiện ma túy, chị khuyên bảo nhiều lần không được mà còn tiếp tục có hành vi mua bán ma túy, nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, hôn nhân không hòa thuận hạnh phúc, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh G.

Như vậy, xác định tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Son.

3. *Về con chung*: Các đương sự có 01 con chung tên là Âu Khánh L, sinh ngày 01/12/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị S có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại bản tự khai ngày 13/12/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2017, anh G cũng nhất trí sau khi ly hôn giao con chung cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục vì anh không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Âu Thị S không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, anh G có quyền đi lại thăm nom con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng, thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo được xã hội. Do vậy, căn cứ vào các Điều 81 và 82

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận thỏa thuận trên của hai bên đương sự.

4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Âu Thị S. Chị Âu Thị S được ly hôn anh Âu Đình G.

2. *Về con chung:* Giao con chung là Âu Khánh L, sinh ngày 01/12/2011 cho chị Âu Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến năm con chung đủ 18 tuổi. Anh Âu Đình G có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Âu Thị S không yêu cầu, do vậy anh Âu Đình G không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Chị Âu Thị S phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí do chị S đã nộp theo biên lai số 07650, ngày 24/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị

đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Hòa Mục;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vương Hồng Giang